

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch dư nợ cho vay
nước sạch vệ sinh môi trường, cho vay thương nhân hoạt động
thương mại vùng khó khăn vốn Trung ương năm 2013**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1913/QĐ-NHCS ngày 31/5/2013 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định tại tờ trình số 671/TTr-NHCSBĐ ngày 20/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch dư nợ cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn vốn Trung ương năm 2013 *(Có bảng phân bổ chỉ tiêu kế hoạch kèm theo)*.

Điều 2. Giao Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Định phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 và Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 19/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT Mai Thanh Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K16.



**KẾ HOẠCH DỰ NỢ CHO VAY NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN, CHO VAY THƯƠNG NHÂN HOẠT ĐỘNG
THƯƠNG MẠI VÙNG KHÓ KHĂN VỐN TRUNG ƯƠNG NĂM 2013**



(Kế hoạch theo Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

STT		Tổng cộng	Quy Nhơn	Tuy Phước	Vân Canh	An Nhơn	Tây Sơn	Vĩnh Thanh	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	An Lão
I	Kế hoạch dự nợ đã thông báo	106.597	1.855	20.858	1.789	15.855	11.689	710	13.492	12.064	11.832	15.131	1.322
1	Nước sạch và VSMT NT	101.396	1.855	20.858	1.018	15.855	10.279	-	12.922	11.167	11.274	15.046	1.122
2	Thương nhân HĐTM VKK	5.201	-	-	771	-	1.410	710	570	897	558	85	200
II	Kế hoạch dự nợ năm 2013	106.597	1.005	21.508	1.989	15.855	11.689	510	13.492	12.264	11.832	15.131	1.322
1	Nước sạch và VSMT NT	101.396	1.005	21.508	1.218	15.855	10.279	-	12.922	11.167	11.274	15.046	1.122
2	Thương nhân HĐTM VKK	5.201	-	-	771	-	1.410	510	570	1.097	558	85	200
III	Tăng, giảm so kế hoạch dự nợ đã thông báo	0	-850	650	200	0	0	-200	0	200	0	0	0
1	Nước sạch và VSMT NT	-	-850	650	200							-	
2	Thương nhân HĐTM VKK	-						-200		200			